

**DANH SÁCH XÁC NHẬN THÔNG TIN SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY  
ĐỢT XÉT TN ĐỢT 1/2022\_T8.2022 NĂM 2021-2022**

Đính kèm quyết định số: 11/QĐCB-HIU\_09092022/QĐ1-HIU; Ký ngày: / /

**KHOA Khoa Dược**

| Ngành : Dược Học |           |                   |       |            |                 |      |            |                          |      |            |                 |         |
|------------------|-----------|-------------------|-------|------------|-----------------|------|------------|--------------------------|------|------------|-----------------|---------|
| STT              | MSSV      | Họ và Tên         |       | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Phái | Lớp        | Chuyên Ngành             | ĐTB  | Xếp loại   | Xác nhận của SV | Ghi chú |
| 1                | 141303037 | Đình Công         | Quảng | 25/11/1996 | Lâm Đồng        | Nam  | DS14DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.08 | Trung bình |                 |         |
| 2                | 141303645 | Nguyễn Thị Trúc   | Giang | 06/03/1996 | Bến Tre         | Nữ   | DS14DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.33 | Trung bình |                 |         |
| 3                | 151303161 | Võ Kiến           | Tài   | 16/05/1996 | TP.HCM          | Nam  | DS15DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.05 | Trung bình |                 |         |
| 4                | 151303238 | Trần Thị Đan      | Thư   | 02/11/1997 | Trà Vinh        | Nữ   | DS15DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.00 | Trung bình |                 |         |
| 5                | 151303278 | Nguyễn Thành      | An    | 01/08/1997 | Khánh Hòa       | Nam  | DS15DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.02 | Trung bình |                 |         |
| 6                | 151303321 | Trương Thị Bảo    | Ngọc  | 11/08/1994 | Tây Ninh        | Nữ   | DS15DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.15 | Trung bình |                 |         |
| 7                | 151303355 | Nguyễn Diệu       | Linh  | 22/10/1996 | Gia Lai         | Nữ   | DS15DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.00 | Trung bình |                 |         |
| 8                | 151303734 | Phạm Tuấn         | Dũng  | 28/11/1982 | Ninh Bình       | Nam  | DS15DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.34 | Trung bình |                 |         |
| 9                | 161303018 | Lê Thị            | Hiếu  | 12/11/1998 | Long An         | Nữ   | DS16DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.27 | Trung bình |                 |         |
| 10               | 161303085 | Lê Trần Ngọc      | Linh  | 30/04/1998 | Ninh Thuận      | Nữ   | DS16DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.21 | Trung bình |                 |         |
| 11               | 161303154 | Võ Phan Việt      | Hằng  | 27/09/1998 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS16DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.12 | Trung bình |                 |         |
| 12               | 161303210 | Hồ Kiều           | Anh   | 30/03/1998 | Đồng Nai        | Nữ   | DS16DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.12 | Trung bình |                 |         |
| 13               | 161303217 | Vạn Thị Hàn       | Lâm   | 26/03/1997 | Ninh Thuận      | Nữ   | DS16DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.06 | Trung bình |                 |         |
| 14               | 161303264 | Phùng Quốc        | Vũ    | 07/09/1998 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS16DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.12 | Trung bình |                 |         |
| 15               | 161303268 | Nguyễn Phong      | Phú   | 17/02/1998 | Long An         | Nam  | DS16DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.08 | Trung bình |                 |         |
| 16               | 161303270 | Lê Thị Cẩm        | Nhung | 12/12/1997 | Tây Ninh        | Nữ   | DS16DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.19 | Trung bình |                 |         |
| 17               | 161303287 | Nguyễn Thị Yến    | Nhi   | 21/04/1998 | Long An         | Nữ   | DS16DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.13 | Trung bình |                 |         |
| 18               | 171303002 | Trần Nguyễn Thảo  | Vy    | 21/05/1999 | Đồng Tháp       | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.46 | Trung bình |                 |         |
| 19               | 171303026 | Nguyễn Ngọc Thanh | Nhàn  | 18/02/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.58 | Khá        |                 |         |

| Ngành : Dược Học |           |                      |       |            |                 |      |            |                          |      |            |                 |         |
|------------------|-----------|----------------------|-------|------------|-----------------|------|------------|--------------------------|------|------------|-----------------|---------|
| STT              | MSSV      | Họ và Tên            |       | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Phái | Lớp        | Chuyên Ngành             | ĐTB  | Xếp loại   | Xác nhận của SV | Ghi chú |
| 20               | 171303027 | Nguyễn Hoàng         | Nhi   | 01/12/1999 | Long An         | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.54 | Khá        |                 |         |
| 21               | 171303028 | Dư Kim               | Kim   | 28/09/1999 | An Giang        | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.57 | Khá        |                 |         |
| 22               | 171303061 | Huỳnh Trương Thị Yến | Linh  | 02/11/1999 | Bình Định       | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.50 | Khá        |                 |         |
| 23               | 171303063 | Võ Thị Như           | Huỳnh | 19/08/1999 | Tây Ninh        | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.26 | Trung bình |                 |         |
| 24               | 171303065 | Nguyễn Ngọc Hồng     | Yến   | 18/08/1999 | Long An         | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.12 | Trung bình |                 |         |
| 25               | 171303080 | Lưu Thị              | Thêm  | 20/02/1999 | Đắk Lắk         | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.96 | Khá        |                 |         |
| 26               | 171303089 | Đỗ Thị Phương        | Anh   | 01/02/1999 | Lâm Đồng        | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.95 | Khá        |                 |         |
| 27               | 171303105 | Nguyễn Hồ Ngọc       | Thủy  | 26/09/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.92 | Khá        |                 |         |
| 28               | 171303109 | Huỳnh Thị Tường      | Vi    | 04/05/1999 | Bình Định       | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.45 | Trung bình |                 |         |
| 29               | 171303116 | Nguyễn Lê Quốc       | Khánh | 27/07/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.46 | Trung bình |                 |         |
| 30               | 171303118 | Nguyễn Thị Anh       | Thư   | 05/08/1999 | An Giang        | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.66 | Khá        |                 |         |
| 31               | 171303120 | Nguyễn Quốc          | Thiện | 25/12/1999 | Tiền Giang      | Nam  | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.36 | Trung bình |                 |         |
| 32               | 171303130 | Nguyễn Thị Ngọc      | Huyền | 18/05/1999 | Quảng Ngãi      | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.54 | Khá        |                 |         |
| 33               | 171303131 | Đặng Võ Huỳnh        | Ân    | 06/10/1999 | Bến Tre         | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.43 | Trung bình |                 |         |
| 34               | 171303132 | Đặng Võ Hồng         | Vân   | 07/11/1999 | Long An         | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.41 | Trung bình |                 |         |
| 35               | 171303141 | Lê Thị Yến           | Nhi   | 20/12/1999 | Long An         | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.27 | Trung bình |                 |         |
| 36               | 171303148 | Trần Nguyễn Trâm     | Anh   | 05/11/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.56 | Khá        |                 |         |
| 37               | 171303153 | Phạm Thị Huỳnh       | Như   | 10/09/1999 | Long An         | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.61 | Khá        |                 |         |
| 38               | 171303155 | Nguyễn Thị Khánh     | Duy   | 11/08/1999 | Bến Tre         | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.73 | Khá        |                 |         |
| 39               | 171303157 | Vũ Mạnh              | Đạt   | 20/06/1999 | Hưng Yên        | Nam  | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.18 | Trung bình |                 |         |
| 40               | 171303158 | Phạm Yến             | Nhi   | 05/07/1999 | Tiền Giang      | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.47 | Trung bình |                 |         |
| 41               | 171303163 | Nguyễn Huỳnh Bảo     | Trâm  | 25/07/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.45 | Trung bình |                 |         |
| 42               | 171303165 | Phạm Duy             | Long  | 03/02/1999 | Bình Thuận      | Nam  | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.29 | Trung bình |                 |         |
| 43               | 171303169 | Trần Thanh Quỳnh     | Chi   | 24/02/1999 | Bình Dương      | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 3.04 | Khá        |                 |         |
| 44               | 171303172 | Dương Thị Ánh        | Tuyết | 04/05/1999 | Đắk Lắk         | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.76 | Khá        |                 |         |
| 45               | 171303173 | Nguyễn Hà Tường      | Vy    | 25/07/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.87 | Khá        |                 |         |

| Ngành : Dược Học |           |                      |        |            |                 |      |            |                          |      |            |                 |         |
|------------------|-----------|----------------------|--------|------------|-----------------|------|------------|--------------------------|------|------------|-----------------|---------|
| STT              | MSSV      | Họ và Tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Phái | Lớp        | Chuyên Ngành             | ĐTB  | Xếp loại   | Xác nhận của SV | Ghi chú |
| 46               | 171303174 | Thái Thị Kim         | Thì    | 26/08/1999 | Đồng Tháp       | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.56 | Khá        |                 |         |
| 47               | 171303180 | Trần Ngọc Quỳnh      | Trâm   | 13/06/1999 | Đồng Nai        | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 3.24 | Giỏi       |                 |         |
| 48               | 171303198 | Nguyễn Hoàng         | Tuấn   | 13/10/1999 | Đồng Tháp       | Nam  | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.81 | Khá        |                 |         |
| 49               | 171303203 | Lại Minh             | Thanh  | 25/09/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 3.05 | Khá        |                 |         |
| 50               | 171303204 | Trương Thị Hồng      | Ngọc   | 15/06/1999 | Đồng Tháp       | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.49 | Trung bình |                 |         |
| 51               | 171303208 | Trần Thị Thanh       | Hằng   | 29/09/1999 | Long An         | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.64 | Khá        |                 |         |
| 52               | 171303214 | Cao Thị Thu          | Hương  | 29/03/1999 | Quảng Bình      | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 3.10 | Khá        |                 |         |
| 53               | 171303216 | Nguyễn Minh          | Hiếu   | 09/10/1999 | Bình Thuận      | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.67 | Khá        |                 |         |
| 54               | 171303217 | Nguyễn Lil           | Pha    | 21/08/1992 | Cà Mau          | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.47 | Trung bình |                 |         |
| 55               | 171303233 | Tống Gia             | Tuyền  | 20/04/1999 | Vĩnh Long       | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.95 | Khá        |                 |         |
| 56               | 171303243 | Mã Thị Kiều          | Em     | 04/12/1999 | Đồng Tháp       | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.68 | Khá        |                 |         |
| 57               | 171303244 | Nguyễn Thị Khánh     | Linh   | 06/03/1999 | Bình Dương      | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 3.07 | Khá        |                 |         |
| 58               | 171303245 | Nguyễn Lâm Phương    | Trình  | 09/09/1999 | Khánh Hòa       | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.56 | Khá        |                 |         |
| 59               | 171303246 | Trần Kiều            | Hạnh   | 15/10/1999 | Lâm Đồng        | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.90 | Khá        |                 |         |
| 60               | 171303247 | Nguyễn Bảo           | Châu   | 17/08/1999 | Kiên Giang      | Nữ   | DS17DH-QL2 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.70 | Khá        |                 |         |
| 61               | 171303248 | Hồ Tấn               | Thuận  | 22/06/1999 | Bình Thuận      | Nam  | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.13 | Trung bình |                 |         |
| 62               | 171303255 | Nguyễn Quốc Nhật Duy | Trường | 12/10/1992 | Tây Ninh        | Nam  | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.52 | Khá        |                 |         |
| 63               | 171303257 | Lê Thị Huỳnh         | Nhi    | 01/09/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.51 | Khá        |                 |         |
| 64               | 171303266 | Lê Thị Kim           | Thoa   | 27/11/1999 | Bến Tre         | Nữ   | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.54 | Khá        |                 |         |
| 65               | 171303281 | Nguyễn Thanh Mỹ      | Hương  | 07/01/1999 | Bình Thuận      | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.20 | Trung bình |                 |         |
| 66               | 171303285 | Vũ Ánh               | Minh   | 11/10/1994 | Lâm Đồng        | Nam  | DS17DH-QL3 | Quản lý - cung ứng thuốc | 3.01 | Khá        |                 |         |
| 67               | 171303286 | Hoàng Thị Thanh      | Hoa    | 05/06/1999 | Hà Tĩnh         | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.42 | Trung bình |                 |         |
| 68               | 171303304 | Huỳnh Tú             | Chi    | 13/02/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-QL1 | Quản lý - cung ứng thuốc | 2.98 | Khá        |                 |         |

| Ngành : Dược Học |           |              |        |            |            |      |            |               |      |          |                 |         |
|------------------|-----------|--------------|--------|------------|------------|------|------------|---------------|------|----------|-----------------|---------|
| STT              | MSSV      | Họ và Tên    |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Phái | Lớp        | Chuyên Ngành  | ĐTB  | Xếp loại | Xác nhận của SV | Ghi chú |
| 1                | 141303069 | Trần Thị Đan | Phương | 25/01/1996 | Bình Thuận | Nữ   | DS14DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.54 | Khá      |                 |         |

| Ngành : Dược Học |           |                   |       |            |                 |      |            |               |      |            |                 |         |
|------------------|-----------|-------------------|-------|------------|-----------------|------|------------|---------------|------|------------|-----------------|---------|
| STT              | MSSV      | Họ và Tên         |       | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Phái | Lớp        | Chuyên Ngành  | ĐTB  | Xếp loại   | Xác nhận của SV | Ghi chú |
| 2                | 151303272 | Nguyễn Thị Thúy   | An    | 22/10/1997 | Đắk Lắk         | Nữ   | DS15DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.00 | Trung bình |                 |         |
| 3                | 151303327 | Ngô Diệu          | My    | 19/05/1997 | Cà Mau          | Nữ   | DS15DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.04 | Trung bình |                 |         |
| 4                | 151303371 | Lê Quang          | Nhật  | 10/03/1997 | Đắk Lắk         | Nam  | DS15DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.18 | Trung bình |                 |         |
| 5                | 161303015 | Phạm Hồ Trâm      | Anh   | 22/01/1998 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS16DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.16 | Trung bình |                 |         |
| 6                | 161303069 | Huỳnh Ngọc        | Thơ   | 05/10/1998 | An Giang        | Nữ   | DS16DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.25 | Trung bình |                 |         |
| 7                | 161303089 | Hạ Ngân           | Khánh | 15/09/1998 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS16DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.52 | Khá        |                 |         |
| 8                | 161303092 | Lê Ngọc Kiều      | Trang | 08/08/1998 | Tiền Giang      | Nữ   | DS16DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.22 | Trung bình |                 |         |
| 9                | 161303132 | Hoàng Trần        | Phi   | 09/06/1997 | Huế             | Nam  | DS16DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.26 | Trung bình |                 |         |
| 10               | 161303258 | Nguyễn Ngọc       | Phúc  | 04/10/1998 | Bà Rịa-Vũng Tàu | Nam  | DS16DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.30 | Trung bình |                 |         |
| 11               | 161303333 | Nguyễn Thị        | Trang | 13/10/1998 | Nghệ An         | Nữ   | DS16DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.48 | Trung bình |                 |         |
| 12               | 161303335 | Nguyễn Nhật       | Đình  | 29/08/1995 | Tây Ninh        | Nam  | DS16DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.88 | Khá        |                 |         |
| 13               | 171303006 | Nguyễn Lâm Phương | Uyên  | 04/10/1999 | Kiên Giang      | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.41 | Trung bình |                 |         |
| 14               | 171303014 | Nguyễn Tiến       | Hưng  | 14/04/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 3.30 | Giỏi       |                 |         |
| 15               | 171303024 | Trần Mỹ           | Tâm   | 03/06/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.65 | Khá        |                 |         |
| 16               | 171303044 | Trần Quốc         | Tuấn  | 24/09/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 3.00 | Khá        |                 |         |
| 17               | 171303045 | Nguyễn Huy        | Quang | 05/06/1996 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.81 | Khá        |                 |         |
| 18               | 171303049 | Nguyễn Ngọc Hương | Huyền | 19/10/1999 | Tiền Giang      | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.98 | Khá        |                 |         |
| 19               | 171303074 | Trần Minh         | Mẫn   | 06/10/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.96 | Khá        |                 |         |
| 20               | 171303076 | Phan Trần Thị Mỹ  | Diệu  | 11/02/1999 | Kiên Giang      | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.20 | Trung bình |                 |         |
| 21               | 171303078 | Võ Hồng           | Phúc  | 16/06/1999 | Vĩnh Long       | Nam  | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.51 | Khá        |                 |         |
| 22               | 171303082 | Trần Mã Văn       | Linh  | 29/01/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.11 | Trung bình |                 |         |
| 23               | 171303086 | Huỳnh Quán        | Hào   | 07/09/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.39 | Trung bình |                 |         |
| 24               | 171303088 | Lê Thị Phương     | Thảo  | 29/11/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.38 | Trung bình |                 |         |
| 25               | 171303093 | Trần Thị Như      | Hào   | 18/09/1999 | Long An         | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.45 | Trung bình |                 |         |
| 26               | 171303097 | Lê Thị Cẩm        | Quyên | 29/08/1999 | Lâm Đồng        | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.47 | Trung bình |                 |         |

| Ngành : Dược Học |           |                     |        |            |                   |      |            |               |      |            |                 |         |
|------------------|-----------|---------------------|--------|------------|-------------------|------|------------|---------------|------|------------|-----------------|---------|
| STT              | MSSV      | Họ và Tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh          | Phái | Lớp        | Chuyên Ngành  | ĐTB  | Xếp loại   | Xác nhận của SV | Ghi chú |
| 27               | 171303098 | Huỳnh Thị Hạnh      | Duyên  | 16/05/1999 | Cần Thơ           | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.76 | Khá        |                 |         |
| 28               | 171303100 | Trần Nguyễn Gia     | Hân    | 14/03/1999 | Cà Mau            | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.81 | Khá        |                 |         |
| 29               | 171303101 | Trương Ngọc         | Thảo   | 28/05/1999 | An Giang          | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.79 | Khá        |                 |         |
| 30               | 171303107 | Huỳnh Lê Thiên      | Ân     | 23/11/1999 | Bình Dương        | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 3.15 | Khá        |                 |         |
| 31               | 171303108 | Nguyễn Thị Ý        | Thu    | 20/10/1999 | Quảng Trị         | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.60 | Khá        |                 |         |
| 32               | 171303119 | Trương Văn          | Tuấn   | 01/04/1999 | TP. Hồ Chí Minh   | Nam  | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.86 | Khá        |                 |         |
| 33               | 171303121 | Huỳnh Nguyễn Cẩm    | Tiên   | 25/01/1999 | Long An           | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.80 | Khá        |                 |         |
| 34               | 171303122 | Nguyễn Văn          | Thi    | 30/08/1999 | Tây Ninh          | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.27 | Trung bình |                 |         |
| 35               | 171303133 | Đỗ Thị Hồng         | Thảo   | 29/08/1999 | Long An           | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.37 | Trung bình |                 |         |
| 36               | 171303140 | Nguyễn Hữu Hoàng    | Nguyên | 02/11/1999 | TP. Hồ Chí Minh   | Nam  | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.77 | Khá        |                 |         |
| 37               | 171303151 | Lại Nguyễn Thiên    | Nhi    | 20/11/1999 | Lâm Đồng          | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.59 | Khá        |                 |         |
| 38               | 171303154 | Lê Hoàng            | Duy    | 29/09/1999 | Tiền Giang        | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 3.56 | Giỏi       |                 |         |
| 39               | 171303156 | Đặng Thị Quỳnh      | Phương | 10/11/1999 | Thừa Thiên Huế    | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.59 | Khá        |                 |         |
| 40               | 171303160 | Vũ Nhật             | Hải    | 20/02/1999 | TP. Hồ Chí Minh   | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 3.30 | Giỏi       |                 |         |
| 41               | 171303167 | Lê Nguyễn Như       | Ý      | 01/06/1999 | An Giang          | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 3.23 | Giỏi       |                 |         |
| 42               | 171303175 | Huỳnh Thúy          | Hằng   | 03/12/1999 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.94 | Khá        |                 |         |
| 43               | 171303177 | Lê Việt             | Hoàng  | 27/10/1999 | Kiên Giang        | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.90 | Khá        |                 |         |
| 44               | 171303178 | Trần Trung          | Vinh   | 03/03/1999 | Đồng Nai          | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.81 | Khá        |                 |         |
| 45               | 171303179 | Nguyễn Hoàng        | Phúc   | 28/03/1999 | Quảng Ngãi        | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 3.17 | Khá        |                 |         |
| 46               | 171303181 | Quách Nguyễn Phương | Vy     | 02/10/1999 | Tiền Giang        | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.95 | Khá        |                 |         |
| 47               | 171303188 | Lý Uyển             | Nhân   | 07/12/1999 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 3.17 | Khá        |                 |         |
| 48               | 171303191 | Đỗ Thị Hoài         | Thương | 08/05/1999 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 3.54 | Giỏi       |                 |         |
| 49               | 171303199 | Nguyễn Thị Mỹ       | Nhi    | 29/12/1999 | An Giang          | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 3.50 | Giỏi       |                 |         |
| 50               | 171303202 | Đàm Ngọc            | Minh   | 29/06/1999 | Bình Định         | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.69 | Khá        |                 |         |
| 51               | 171303207 | Trần Thị Mỹ         | Lệ     | 25/12/1999 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.63 | Khá        |                 |         |
| 52               | 171303213 | Lê Hoài             | Vân    | 25/01/1999 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.59 | Khá        |                 |         |

| Ngành : Dược Học |           |                    |       |            |                 |      |            |               |      |            |                 |         |
|------------------|-----------|--------------------|-------|------------|-----------------|------|------------|---------------|------|------------|-----------------|---------|
| STT              | MSSV      | Họ và Tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Phái | Lớp        | Chuyên Ngành  | ĐTB  | Xếp loại   | Xác nhận của SV | Ghi chú |
| 53               | 171303219 | Trần Thành         | Tín   | 08/08/1983 | Bình Thuận      | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 3.03 | Khá        |                 |         |
| 54               | 171303222 | Nguyễn Trung       | Lập   | 14/12/1998 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.35 | Trung bình |                 |         |
| 55               | 171303229 | Lý Quốc            | Tài   | 20/01/1998 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.39 | Trung bình |                 |         |
| 56               | 171303254 | Trần Thị Thái      | Ngân  | 03/09/1999 | Đồng Tháp       | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.54 | Khá        |                 |         |
| 57               | 171303259 | Đoàn Thị           | Bông  | 22/12/1999 | Tây Ninh        | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.77 | Khá        |                 |         |
| 58               | 171303267 | Phan Nguyễn Thúy   | Vy    | 19/07/1999 | Đồng Tháp       | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.66 | Khá        |                 |         |
| 59               | 171303272 | Phan Hoàng         | Trinh | 19/02/1999 | Quảng Nam       | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.82 | Khá        |                 |         |
| 60               | 171303274 | Nguyễn Lưu Lệ      | Thuy  | 08/12/1999 | Cà Mau          | Nữ   | DS17DH-LS2 | Dược lâm sàng | 2.97 | Khá        |                 |         |
| 61               | 171303280 | Trần Văn           | Nghĩa | 20/06/1999 | Thanh Hóa       | Nam  | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.24 | Giỏi       |                 |         |
| 62               | 171303284 | Trần Hữu           | Minh  | 21/04/1999 | Cần Thơ         | Nam  | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.64 | Khá        |                 |         |
| 63               | 171303292 | Trương Hùng        | Anh   | 19/04/1996 | Kiên Giang      | Nam  | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.38 | Trung bình |                 |         |
| 64               | 171303293 | Nguyễn Ngọc Phương | Linh  | 21/12/1999 | Đồng Nai        | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.72 | Khá        |                 |         |
| 65               | 171303297 | Huỳnh Thị Thanh    | Vân   | 25/07/1999 | Bình Thuận      | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.07 | Khá        |                 |         |
| 66               | 171303302 | Lâm Kim            | Khánh | 11/01/1999 | An Giang        | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.34 | Giỏi       |                 |         |
| 67               | 171303308 | Lê Hoàng Bảo       | Thi   | 25/02/1999 | Tiền Giang      | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.85 | Khá        |                 |         |
| 68               | 171303314 | Phạm Tấn           | Phước | 04/06/1998 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.72 | Khá        |                 |         |
| 69               | 171303316 | Lý Huỳnh Trâm      | Anh   | 09/02/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.05 | Khá        |                 |         |
| 70               | 171303325 | Trần Thị Kim       | Hoàng | 04/10/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.04 | Khá        |                 |         |
| 71               | 171303328 | Nguyễn Hữu         | Nghĩa | 29/10/1988 | TP. Hồ Chí Minh | Nam  | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.04 | Khá        |                 |         |
| 72               | 171303334 | Nguyễn Thị Kim     | Tuyến | 20/03/1982 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.99 | Khá        |                 |         |
| 73               | 171303335 | Nguyễn Hoàng       | Bảo   | 26/07/1989 | Bến Tre         | Nam  | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.29 | Giỏi       |                 |         |
| 74               | 171303337 | Trần Nguyễn Phương | Trang | 02/01/1998 | Khánh Hòa       | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.50 | Giỏi       |                 |         |
| 75               | 171303338 | La Thành           | Tâm   | 16/07/1988 | Đồng Tháp       | Nam  | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.01 | Khá        |                 |         |
| 76               | 171303340 | Thái Bảo           | Nhi   | 14/12/1995 | Tiền Giang      | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 2.69 | Khá        |                 |         |
| 77               | 171303342 | Phan Như           | Ngọc  | 15/08/1997 | Long An         | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.19 | Khá        |                 |         |
| 78               | 171303347 | Nguyễn Hoàng Quỳnh | Như   | 08/11/1999 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.43 | Giỏi       |                 |         |

| Ngành : Dược Học |           |                 |       |            |            |      |            |               |      |          |                 |         |
|------------------|-----------|-----------------|-------|------------|------------|------|------------|---------------|------|----------|-----------------|---------|
| STT              | MSSV      | Họ và Tên       |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Phái | Lớp        | Chuyên Ngành  | ĐTB  | Xếp loại | Xác nhận của SV | Ghi chú |
| 79               | 171303350 | Đoàn Thị Thanh  | Nhã   | 28/04/1987 | Đồng Nai   | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.00 | Khá      |                 |         |
| 80               | 171303354 | Huỳnh Thị Thanh | Tuyền | 16/03/1995 | Bình Thuận | Nữ   | DS17DH-LS1 | Dược lâm sàng | 3.20 | Giỏi     |                 |         |

**Tổng SV dự kiến TN: 148**

**Trưởng Khoa**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 9 năm 2022

**Người lập DS**